

Số: 420 /BC-UBND

Châu Thành, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO
**Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách
huyện Châu Thành năm 2024**

Căn cứ Luật ngân sách năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công khai nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Châu Thành về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương huyện Châu Thành năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Châu Thành về phân bổ ngân sách địa phương huyện Châu Thành năm 2024.

Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện Châu Thành năm 2024, cụ thể đính kèm biểu số 93, 94, 95/CK-NSNN.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP Huyện ủy;
- Các phòng, ban ngành huyện;
- Cơ quan đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**


Trương Quốc Điền

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2024

(Đính kèm Báo cáo số: A20 /BC-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	%
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	63.000	129.645	206%	99%
I	Thu cân đối NSNN	63.000	65.977	105%	107%
1	Thu nội địa	63.000	65.977	105%	107%
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		63.668		93%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	482.083	616.545	128%	132%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	482.083	616.545	128%	132%
1	Chi đầu tư phát triển	26.894	122.427	455%	101%
2	Chi thường xuyên	445.736	484.665	109%	142%
3	Dự phòng ngân sách	9.453	9.453	100%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	-	-		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Đính kèm Báo cáo số: 420/BC-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của
UBND huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	%
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	63.000	65.977	105%	107%
I	Thu nội địa	63.000	65.977	105%	107%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		64		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	20.000	19.942	100%	106%
	Thuế tài nguyên - 1550	50		0%	
	TNDN - 1050	2.550	1.906	75%	97%
	GTGT - 1700	17.400	18.036	104%	107%
4	Thuế thu nhập cá nhân	11.000	10.410	95%	114%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	15.000	14.502	97%	112%
7	Thu phí, lệ phí	3.000	2.268	76%	69%
8	Các khoản thu về nhà, đất	11.000	12.802	116%	111%
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	3.000	5.990	200%	99%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	57.050	54.855	96%	106%
1	Từ các khoản thu phân chia	53.440	52.513	98%	108%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	3.610	2.342	65%	71%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2024

(Đính kèm Báo cáo số: 420/BC-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	%
TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN		482.083	616.545	128%	132%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	482.083	616.545	128%	132%
I	Chi đầu tư phát triển	26.894	122.427	455%	101%
1	Chi đầu tư cho các dự án	26.894	120.927	450%	100%
2	Chi đầu tư phát triển khác		1.500		
II	Chi thường xuyên	445.736	484.665	109%	142%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	268.858	283.861	106%	132%
2	Chi khoa học và công nghệ		147		
3	Chi y tế, dân số và gia đình	1.705	1.280	75%	
4	Chi văn hóa thông tin	1.094	1.392	127%	122%
5	Chi phát thanh, truyền hình	978	895	92%	92%
6	Chi thể dục thể thao	810	1.090	135%	152%
7	Chi bảo vệ môi trường	4.341	4.850	112%	
8	Chi hoạt động kinh tế	43.642	40.520	93%	97%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	84.818	95.221	112%	244%
10	Chi bảo đảm xã hội	35.103	32.761	93%	108%
11	Chi Quốc phòng địa phương	2.046	14.706	719%	524%
12	Chi an ninh	341	5.674	1664%	1396%
13	Chi khác	2.000	2.268	113%	60%
III	Dự phòng ngân sách	9.453	9.453	100%	128%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	-		